

Bản án số: 434/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2024

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo

Ông Nguyễn Đức Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 512/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 516/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 348/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1996; HKTT trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã A (nay là xã A), huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm Đ, thôn C, xã N, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1993; HKTT trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã A (nay là xã A), huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn A, xã A (nay là xã A), huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đắc Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã A), huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/01/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Khoảng năm 2017, anh Đ đi lao động tại Đài Loan. Khoảng năm 2022, chị cũng sang Đài Loan làm việc nhưng do mâu thuẫn từ trước nên vợ chồng không ở cùng nhau, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Nhật P, sinh ngày 16/9/2016 và Nguyễn Đắc Việt D, sinh ngày 18/01/2021. Hiện cả hai cháu đang ở cùng ông bà nội. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh Đ và ông bà nội nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị T không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Đắc Đ ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Đ. Ông Nguyễn Thành C (là mẹ đẻ anh Đ) đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc với ông qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Đ biết. Quan điểm của anh Đ là do chị T cương quyết xin ly hôn nên anh Đ đồng ý. Về con chung: Anh Đ xác định vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày. Trường hợp vợ chồng ly hôn, quan điểm của anh Đ là xin được nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi các con. Trong thời gian ở nước ngoài, anh Đ nhờ ông trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu, ông đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh V mặt, có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Đắc Đ vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành C vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đắc Đ. Về con chung: Giao cả 02 con chung là Nguyễn Nhật P, sinh ngày 16/9/2016 và Nguyễn Đắc Việt D, sinh ngày 18/01/2021 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu P và cháu D cho ông Nguyễn Thành C (là ông nội) chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi anh Đ về Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Bùi Thị T và bị đơn anh Nguyễn Đắc Đ hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, cùng có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xã A (nay là xã A), huyện N, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh Đ tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị T và gia đình anh Đ cung cấp địa chỉ, nhưng chị T và gia đình anh Đ không cung cấp được. Ông Nguyễn Thành C là bố đẻ anh Đ xác định anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, ông đã thông báo về việc chị T có đơn xin ly hôn, anh Đ không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị Thanh vắng M, có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông C vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt. Bị đơn anh Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Đắc Đ kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã A), huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/01/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm. Năm 2017, anh Đ đi lao động tại Đài Loan. Năm 2022, chị T cũng sang Đài Loan làm việc nhưng vợ chồng không chung sống cùng nhau, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có đơn xin ly hôn. Thông qua gia đình, anh Đ có quan điểm đồng ý ly hôn chị T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Do vậy, cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Nhật P, sinh ngày 16/9/2016 và Nguyễn Đắc Việt D, sinh ngày 18/01/2021. Hiện nay cả 02 con chung đang ở cùng ông nội là Nguyễn Thành C. Sau khi ly hôn, chị T và anh Đ đều có quan điểm giao cả 02 con chung cho anh Đ nuôi dưỡng; trong thời gian anh Đ ở nước ngoài, tạm giao 02 cháu cho ông nội là Nguyễn Thành C chăm sóc cho đến khi anh Đ về Việt Nam, ông C đồng ý. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Thanh ly H anh Nguyễn Đắc Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đắc Đ được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Nhật P, sinh ngày 16/9/2016 và Nguyễn Đắc Việt D, sinh ngày 18/01/2021 kể từ tháng 12/2024 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con. Tạm giao cháu P và cháu D cho ông Nguyễn Thành C chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) do anh Bùi Văn L nộp thay, theo Biên lai thu tiền số 0005203 ngày 09 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T, anh Nguyễn Đắc Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Ông Nguyễn Thành C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã An Phú, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

